

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3- CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-9-2025  
V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Ông Nguyễn Văn Mến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **Trương Hoàng D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0908.858.147. Có mặt.

**Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số A khu V, phường H, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0794.989.885. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư **Tôn Huỳnh Văn H**- Công ty L và Cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố C. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trương Hoàng D cho rằng:**

Ông và bà Nguyễn Thị Cẩm T sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) vào ngày 21/12/2018.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường cự cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, nay nhận thấy vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

**Về con chung:** Có 01 con chung là Trương Thái T1 (nam), sinh ngày 20/12/2019. Hiện con đang sống chung với bà T.

Nay ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông là đang làm nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2, thu nhập 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)/tháng, là người có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng và điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: không có.

**Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm T cho rằng:**

**Về quan hệ hôn nhân:** bà thừa nhận thời điểm kết hôn và quan hệ hôn nhân như ông Trương Hoàng D trình bày là đúng. Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà đồng ý ly hôn.

**Về con chung:** có 01 con chung là Trương Thái T1 (nam); sinh ngày 20/12/2019.

Trước khi ly thân, vợ chồng bà sống chung ở nhà cha mẹ của ông D tại Ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ. Vào tháng 3/2025, bà với ông D ly thân, bà dẫn con về nhà riêng của bà ở khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ (Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ cũ) sống cho đến nay.

Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Bà đồng ý dành quyền thăm nom con chung cho ông D theo quy định pháp luật.

Hiện bà đang làm việc ở Bệnh viện Đ, từ năm 2016 đến nay; chức vụ: Y sĩ, thu thập mỗi tháng hơn 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngoài ra, bà có căn nhà riêng ở kế bên nhà cha mẹ ruột của bà tại khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ, hiện đang sinh sống cùng con là cháu T1 nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ: không có.

**Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Nguyễn Thị Cẩm T:** có yêu cầu xét xử vắng mặt và có nộp bài luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cẩm T, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy: nguyên đơn yêu cầu ly hôn, còn bị đơn cho rằng hiện tại không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

+ **Về con chung:** có 01 con chung là Trương Thái T1 (nam); sinh ngày 20/12/2019. Đề nghị giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

+ Về nợ: cả hai cho rằng không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn và nuôi con”. Ông Trương Hoàng D và bà Nguyễn Thị Cẩm T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ tình yêu của hai bên. Tuy nhiên, sau khi chung sống thì cả hai xảy ra bất đồng quan điểm, không còn có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay ông D yêu cầu ly hôn, còn bà T cho rằng vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà không có nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ lại, bà đồng ý ly hôn. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông D với bà T.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Trương Thái T1 (nam); sinh ngày 20/12/2019.

Thấy rằng, con do bà T đang nuôi dưỡng và hiện tại bà T đang cho đi học tại trường Tiểu học T3, thuộc phường H, thành phố Cần Thơ; bên cạnh đó, xét về điều kiện kinh tế thì bà T cũng có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định về mặt tinh thần và điều kiện chăm sóc con, cần giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông D theo quy định pháp luật.

Nếu sau này, bà T không đảm bảo về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con hay có sự ngăn cản quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật đối với ông D thì ông D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con.

[4] Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

Về nợ: ông D và bà T cho rằng không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông D và bà T mỗi người chịu 150.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Hoàng D.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Hoàng D với bà Nguyễn Thị Cẩm T.

2. **Về con chung:** có 01 con chung là Trương Thái T1 (nam); sinh ngày 20/12/2019.

Buộc ông Trương Hoàng D giao con cho bà Nguyễn Thị Cẩm T nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Trương Hoàng D theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung:** không có.

**Về nợ:** Không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Trương Hoàng D và bà Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình.

Ông D được chuyển 150.000đ từ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0001112 ngày 24/7/2025 thành án phí, ông D được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn lại tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3- Cần Thơ.

**5. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3- Cần Thơ;
- **UBND xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ;**
- Phòng THA DS Khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**